

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 07-08-2024  
Về việc: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Kim Ánh**  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trịnh Hồng Hải**  
Ông **Đặng Ngọc Thuý**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà **Võ Thị Trúc Lâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 06 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 160A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị M**, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Đ, thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

**- Bị đơn:** Ông **Trần Anh T**, sinh năm 1968; Địa chỉ: H Đ, tổ D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/04/2024, bản tự khai đề ngày 28/06/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị M trình bày:**

**- Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị M và ông Trần Anh T đăng ký kết hôn vào ngày 10/08/2001 tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, thì bà M và ông T chung sống tại H Đ, tổ D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến cãi vã. Ông T thường xuyên uống rượu, có hành vi bạo lực với vợ và các con. Mặc dù bà M đã nhiều lần khuyên giải nhưng bất thành dẫn đến gia đình không hòa hợp. Hiện nay bà M và ông T đã sống ly thân được 3 năm, ông T sống ở thành phố Đà Nẵng còn bà M sống ở tỉnh Thừa Thiên Huế cùng các con.

Hiện nay tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Trần Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Anh T.

- *Về con chung*: Bà Trần Thị M xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là: Trần Văn Anh V, sinh ngày: 12/09/2002 và Trần Văn Anh H, sinh ngày: 03/08/2004. Hiện nay hai con đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Trần Thị M xác định không có.

*Bị đơn là ông Trần Anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi về việc bà Trần Thị M xin ly hôn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật, riêng bị đơn không thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M đối với bị đơn ông Trần Anh T về việc: “*Ly hôn*”.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Trần Thị M được ly hôn với ông Trần Anh T.

- *Về con chung*: Bà Trần Thị M xác định 02 (hai) con chung là: Trần Văn Anh V, sinh ngày: 12/09/2002 và Trần Văn Anh H, sinh ngày: 03/08/2004. Cả hai con đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Trần Thị M xác định không có nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Anh T cư trú tại địa chỉ H Đ, Tổ D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là ông Trần Anh T.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa, bà Trần Thị M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, bà M không thể tiếp tục chung sống với ông T. Do vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Anh T.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tại phiên tòa thể hiện: Hôn nhân giữa bà Trần Thị M và ông Trần Anh T là hợp pháp. Theo bà M trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là ông T thường xuyên uống rượu, có hành vi bạo lực với vợ và các con. Bà M và ông T đã sống ly thân với nhau đến nay là phù hợp với Biên bản xác minh ngày 30/05/2024 của Tòa án tại địa phương ông T sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến tham gia phiên hòa giải nhưng ông đều vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ ông T bỏ mặc, không muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà M nên Hội đồng xét xử có căn cứ định xác định mâu thuẫn vợ chồng như bà M trình bày là có thật.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của bà M và ông T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nguyện vọng xin được ly hôn của bà Trần Thị M là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Về con chung*: Bà Trần Thị M và ông Trần Anh T có 02 (hai) con chung là: Trần Văn Anh V, sinh ngày: 12/09/2002 và Trần Văn Anh H, sinh ngày: 03/08/2004. Hai con đã thành niên nên Tòa án không đề cập giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Trần Thị M xác định không có nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị M phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Ly hôn*” của nguyên đơn bà Trần Thị M đối với bị đơn ông Trần Anh T.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị M được ly hôn với ông Trần Anh T.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Trần Thị M phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu số 0001143 ngày 07 tháng 05 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

*Nơi nhận:* **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

**Trần Thị Kim Ánh**